

THÀNH HOÀNG

TỒN CỒP

TỪ BĂNG

PHẦN II

THIÊN ĐỊA MÙ MỜ

Một buổi chiều cuối năm. Gió lùa khô trên bãi cỏ gà lơ thơ sót lại trên mặt sân đình. Sương muối hình như nặng quá đã chạy tìm đôi bàn tay ông mỗ đang ngồi thu mình trước cửa nhà. Đôi mắt tuổi năm mươi chưa còn trẻ nhưng lòng ông thì chưa hẳn đã già. Thế mà lần nào vợ ông tưởng như bông hoa đã kết trái, chẳng hiểu sao lại tàn héo đi ngay. Đã bao nhiêu lần như thế. Thậm chí mới năm ngoái đây thôi, khi vợ ông nằm chờ bà mẹ tới và dưới bếp ông đã đun sôi nồi nước. Bỗng ông nghe tiếng vợ hét. Tắt vội nắm rơm còn cháy dở, ông vội chạy lên. Lúc ấy vợ ông đầu tóc rũ rượi, nắm lấy tay ông chỉ ra phía bãi tha ma hốt hển sợ hãi bảo ông: “Nó, nó vừa từ bụng tôi ra... nó chạy mất rồi...! Vừa lúc ấy vợ ông chuyển dạ và cũng là lúc bà mẹ bước vào. Ông bị đuổi ra ngoài. Cảnh trong cái phòng vây bằng cút im lìm chẳng thấy tiếng vợ ông la như bao người đau đẻ. Kể cả tiếng của bà mẹ. Ông định bước vào, nhưng bà mẹ đã bước ra thì thầm bảo ông: “Không cứu được thằng cu. Anh lo gói ghém đưa cháu đi”. Rồi bà mẹ bước đi thẳng không đợi câu cảm ơn hay thăm hỏi gì của ông... giờ đây nghe lời người trong làng xôn xao sợ hãi thì thầm kể với nhau là cứ vài đêm lại nghe tiếng trẻ con kêu

khóc thảm thương dưới lòng đất. Khi ra tới nơi thì lại im. Hiện tượng ấy diễn ra kéo dài gần một tháng mới dứt. Rồi đêm đêm cả bầy chim lợn bay từ đầu làng đến cuối làng rúc lên những tiếng kêu rợn óc. Ông mỗ linh cảm thấy có điều gì không ổn chắc sẽ giáng xuống làng mình. Từ đấy, cứ cỡ lúc chiều đã gần tàn, ông lại ra miếu thờ xác Thành Hoàng thấp nhang khấn vái. Và những buổi bà vợ đi làm thuê, cấy mướn; còn ông “việc quan” nhàn rỗi, ông lại cầm cái cuốc, con dao đi ra miếu, chặt cành tỉa lá những cây ruối dại để đã có vài trăm năm tuổi mọc um tùm chắn cả lối đi. Đối với ông, hình như việc làm này là chỗ dựa cho ông xóa tan mọi lo lắng một khi có tai họa đổ xuống làng Đông Thượng. Song đó chỉ là sự sợ hãi mơ hồ khi nhàn rỗi chứ cái lo, cái sợ cứ luẩn quẩn hằng đêm trong ông chính là cái lo cho mai sau, một khi mà ông chết đi thì lấy ai hương khói...

Bỗng một buổi tối tháng mười. Trời vừa dứt cơn mưa ông mỗ nghe thấy tiếng chân bước rất vội ngoài lộ vào đình. Tiếng chân ấy bước về phía nhà ông rồi dừng lại. Vài tiếng gõ rất nhẹ vào cửa liếp và tiếng nói thì thào: “Bác Đức ơi! Ngủ chưa. Mở cửa cho em”. Nghe giọng rất quen mà ông vẫn chưa nhận ra người, vội vàng, ông thấy chiếc mền đay và lập cập ra mở cửa. Một cơn gió đầu đông se buốt ập vào. Trong ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn dầu lạc, ông vẫn chưa nhận ra người vừa vào, nhưng đã thấy người ấy cúi chiếc áo toại bằng lá nón và xoay mình thấp xuống. Một đứa nhỏ cỡ năm tuổi lạnh rung tọt xuống. Ông mỗ vội đóng cửa và đến khêu lớn ngọn đèn. Thì ra đây là người em bên họ ngoại của ông. Đã lâu không nghe tin tức thực hư; chỉ đồn rằng đang hoạt động trong một hội kín như cái hội Tam hoàng gì đó của Tàu. Hai anh em chưa kịp ngồi thì bà mỗ cũng đã ra. Ông vội giới thiệu cho vợ biết tông tích người em, rồi giục bà đi đun cho ấm nước chè. Khi bà mỗ xuống bếp rồi, hai anh em thì thăm to nhỏ, lâu lâu ông mỗ lại liếc nhìn về đứa nhỏ đang thu mình ngồi ở góc

nhà. Cuối cùng người cha gọi đứa nhỏ lại, ông ôm chặt nó vào lòng và bảo: “Mới, ngoan nghe con - con ở đây với hai bác. Bố sẽ đi tìm mẹ con về cho con nay mai thôi. Nay... mai... thôi mà con!”. Giọng nói nghe như đứt đoạn. Thằng nhỏ hết nhìn bố lại nhìn ông Mõ. Đồi nó đã ở hết chỗ này chỗ kia do bố nó gửi gắm. Nên nước mắt nó đã không còn. Người bố hạ giọng “con làm con hai bác đây đỡ khổ con ạ. Bố sẽ về sớm... thôi mà! Và cánh cửa liếp vợ vàng mở ra. Gió lật ngược thổi vào lưng đẩy đi vợ vã như lúc đẩy hai bố con bước qua cửa nhà ông Mõ.



Cu Mới lớn nhanh như thổi, nó gọi vợ chồng ông Mõ bằng bố bằng mẹ thật tự nhiên. Có lẽ tiếng gọi này đã quen vì đã từng phải gọi bao người bằng hai cái từ này mà mỗi lần bố nó đem gửi ở đâu, trước lúc ra đi đều dặn như thế. Song thực tình nó yêu thương vợ chồng ông Mõ bằng tất cả tấm lòng bởi sự đùm bọc của ông bà Mõ từ miếng ăn thức uống, tắm rửa cho nó, thay quần thay áo cho nó kể từ lúc nó năm tuổi đến bây giờ nó đã lớn tới mười bốn mười lăm, có thể tự làm lấy được rồi - mà vẫn không thoát được cái tình mẹ con mà bà mỗ thềm khát bao lâu. Bà chải đầu tóc nó, cho nó mặc những tấm áo manh quần mà bà xin được về cắt vá cho vừa - rồi đứng ngắm nghĩa Mới qua đôi mắt đã sớm mờ. Tự hào, mỉm cười chửi yêu: “Cha bố anh, sang năm lớn tổng công không biết lấy quần áo đâu mà mặc”. Mới chạy ôm lấy bà, mắt giấu sau lưng bà Mõ hoe đỏ. Mới vui nhất là tự năm mười tuổi đến nay, nó thường được bố cho đi theo, cầm mõ gõ lên ba hồi để bố nó cất lời rao “chiềng làng nước...”. Âm thanh và giọng điệu ngân nga riêng của nghề mõ dần dần thâm nhập vào tâm hồn nó từ lúc nào chẳng hiểu đến nỗi bây giờ nó đã có thể đi thay bố. Cái giọng của một thằng con trai vừa võ tiếng hình như vang xa với âm điệu rên và ngọt hơn lời rao đã hoen rỉ của ông Mõ đã ở tuổi xế chiều. Ngay cả

tiếng gõ lốc cốc giáo đầu cũng như có sức mời gọi. Chẳng thế mà mỗi lần nghe hồi mõ đầu Xuyên đã ngừng thở, chạy ra bên chiếc cổng tre trước nhà đợi Mới đi qua. Tụ đứng nó thấy mê đôi tay của Mới “múa” trên chiếc mõ và đợi chờ giọng Mới cất lên. Những hôm không có tiếng mõ, tiếng rao Xuyên băng khuân thấy tâm hồn mình như đang mong đợi, đang nhớ nhưng một cái gì êm nhẹ mơ hồ chẳng khác gì nàng My Nương xưa ngơ ngẩn trong phòng the nhớ tiếng hát chàng Trương Chi làm nghề đánh cá. Mặc dù nó cũng chỉ mới mười bốn mười lăm tuổi như Mới, song tâm hồn nó hình như vẫn được thừa hưởng cái gien của cụ Tiên Tăng tổ Lý Huy, dù sau này gia thế cụ Lý đã lụn bại. Mẹ Xuyên ở hàng chắt chút gì đó, chỉ được chia cho một mảnh đất gần đầu làng. Miếng đất ấy bé bằng bàn tay đủ cất một gian nhà và cái sân đi vài bước đã hết. Tuy vậy, bà mẹ Xuyên vẫn dạy con phải giữ cái gia phong truyền thống của cụ Tổ Lý Huy - người có công đầu trong việc lập Thành Hoàng cho làng Đông Thượng. Có hôm, bà mẹ Xuyên thấy con mình đứng ngơ ngẩn đợi chờ lời rao của Mới, bà gọi giật Xuyên vào và giận dữ buông lời: “Con gái hờ hờ mà lại ra cổng đứng nhìn một thằng mõ, lẽ có ai đi qua trông thấy thì còn gì cái tiếng tăm của dòng tộc nhà mình. Cái giai cấp mõ là cái giai cấp cùng đing rồi con ạ. Ngày xưa may ra thì được xếp cùng bọn nhà trò con hát - các cụ đã bảo xướng ca vô loại - nhưng từ khi có cụ Đào Duy Từ . Tuy là nhà con hát mà đã lập công dựng nước cho Nguyễn triều ta nên không ai dám đả động tới nữa. Do đó chỉ còn loại mõ là loại “duy nhất độc tồn (?)”. Không có ai tiếp xúc... chẳng hiểu bà có được học chữ nhất chữ nhị gì không hay chỉ nghe đời này truyền lại đời kia thêu dệt vẽ vời ra toàn cái tốt của cụ Tổ nhà mình. Chứ nào ai biết cụ Lý đương thời ăn cắp của công như mỏ khoét, lén lút dâm dật cũng ra trò.

Xuyên nghe mẹ nói đến trăm lần cái dòng dõi “quyền quý” của mẹ chỉ mỉm cười. Cô còn lạ gì cái dòng giống ấy. Mấy ông đê ra ông bác ông chú và ngay ông bố của mẹ nữa cũng đều là bọn đi

bọm, tổ tôm tài bàn xóc đĩa, làm nhiều điều bất nghĩa. Nhà cửa cầm cố bán sạch. Đời cha ăn mặn thì đời con khát nước. Kinh thường cái dòng họ ấy bao nhiêu thì Xuyến lại thương bố bấy nhiêu. Bố chết trong cảnh nghèo hèn không có một cái gì để mẹ bán đi chữa chạy. Và Xuyến vẫn nhớ tiếng mõ, nhớ lời rao của Mới. Vẫn lén mẹ ra cổng đứng chờ khi âm thanh hồi mõ đầu của Mới cất lên. Đã có lần đi cắt cỏ về, Xuyến đã lấy cỏ xuống ao trước đình rửa mặt để được gặp và nói chuyện với Mới. Tình yêu trẻ thơ của hai đứa hồn nhiên chẳng ai suy nghĩ gì ở mai sau.

Một buổi trưa mùa hè, khi phiên chợ làng gần tan. Mới lang thang vào đầu làng đi qua nhà Xuyến nhưng không thấy bóng Xuyến đâu. Nó chợt nghĩ tới cây khế nhà cụ Bá mọc sát bờ ao. Bây giờ mọi người đã ra đồng làm hết chắc chẳng có ai. Nghĩ là làm, nó bèn chạy vòng về phía sau chùa làng nhìn trước nhìn sau, Mới vạch rào tre chui vào. Mới thấy phía cành sà ra ao có những trái khế to mầu chín vàng mọng nước chắc là phải ngọt lắm. Hái mấy trái này lát nữa đi về qua nhà Xuyến tặng cô ta thì tuyệt biết mấy. Thế là nó vội vã leo lên rồi từ từ lẩn ra... nhưng một tiếng rắc khô khan và Mới rơi tòm xuống nước. Càng nhô lên hụp xuống càng ra xa. Vừa lúc đó chị Vân đi chợ làng về ngang qua con đường sát lũy tre ao cụ Bá, chị chợt nghe tiếng bụp bụp và nhìn vào. Chị thầm kêu “Trời ơi! có đứa trẻ chết đuối”. Thế là chị vội quăng chiếc thúng đựng hàng đang đội ở trên đầu xuống, vạch bờ tre chui được vào bên trong, chị nhìn trước nhìn sau rồi vội vàng kéo gấu váy đằng trước lên cắn vào răng, còn gấu váy đằng sau chị bện chặt vào lưng và hối hả lội xuống từ từ lẩn bờ ao lội ra gần cụ Mới. Nước ngoài sâu bao nhiêu chị lại phải vén váy cao lên tới đó. Cuối cùng chị cũng nắm được bàn tay Mới kéo vào bờ, bế nó lên đặt bên vệ tre. Nhưng thấy thẳng cụ Mới vẫn nằm im, nắm tóc mai nó giật giật mà nó vẫn không nhúc nhích. Có lẽ thẳng Mới đã bị ngộp nước. Chợt nhớ tới bài học dân gian chữa

người chết đuối, chị định vén cao váy lên, nhưng từ lúc lên bờ chị đã quên. Váy vẫn còn nằm phía trên ngực chị. Tặc lưỡi Vân ngồi xổm và rê qua rê lại trên mặt cu Mới. Nó hắt hơi liên tục. Chị Vân đứng dậy, quên cả kéo váy xuống và bảo nó: “Mày không nhớ lời các cụ dạy à: Hóc xương gà sa cành khế là đấy. Chết hụt. Nhớ chưa. Ngồi dậy mà đi về. Bố Mõ mày mà biết thì chết đòn em ạ. Rồi chị chui ra lũy tre, nhặt chiếc thúng hàng đội lên đầu đi về chẳng cần biết là mình đã làm một điều nhân đức. Nhưng bài học dân gian chữa người chết đuối vừa rồi chị thấy thật hiệu nghiệm. Cu Mới ngồi thừ một lúc và lơ mơ nhớ lại hình ảnh chị Vân cởi trần cứu mình thoát chết. Nó vội theo lối cũ chui ra, ba chân bốn cẳng chạy lối tắt về đình không dám qua nhà Xuyên.



Thời gian đi nhanh quá. Chết đuối tuổi mười lăm mà nay Mới đã mười tám đôi mươi và Xuyên vẫn mê “tiếng mõ” Trương Chi. Hai đứa đã nhiều lần hò hẹn với nhau bên đồng rơm che khuất sau Đình, nhưng vì ngày mùa, nhiều người về muện, nên chẳng được cùng nhau tình tự. Cho đến hôm nay, mùa gặt đã xong. Cánh đồng làng Đông Thượng chỉ còn phơi gốc rạ. Cơn gió chớm thu cũng đã nhuốm dạng buổi chiều. Mới đã ngồi chờ Xuyên. Mắt anh dăm nhìn hướng con đê, nơi Xuyên đi cắt cỏ thường về. Rồi tim Mới đập mạnh như theo từng bước chân Xuyên đang kịu kịt trên vai hai bồ cỏ muốt xanh. Mới thấy lòng dịu ngọt và khi Xuyên vừa tới, Mới đã vội chạy tới đỡ hai bồ cỏ xuống, rồi nắm tay Xuyên nhẹ nhàng ngồi xuống bên mình. Gió chiều lên lạnh mà chiếc cỏ Xuyên rịn mồ hôi và vài sợi tóc mai dính bên đôi má hồng rậm nắng. Nàng quơ chiếc nón lá phe phẩy quạt nhìn Mới hỏi trống không:

- Chờ lâu chưa?
- Nhớ quá. Chờ càng nhớ.
- Chỉ dóc!

Hai người toàn trả lời, toàn hỏi nhau bằng câu nói cụt lủn, nhưng hàm chứa sự say nhau biết bao. Mới giằng chiếc nón để quạt cho Xuyên. Nàng bèn chống hai tay ra sau cho đỡ mỗi lưng. Vô tình chiếc khuy áo trước ngực sút ra. Nàng đâu để ý. Nhưng Mới đã nhìn thấy một mảnh trắng hồng đang đun lên làm căng ngực áo, anh vội quay đi nhưng cái đầu vú ấy cứ bám lấy mắt anh. Anh liền tưởng tới đôi vú no tròn, đầu núm hồng nhạt thon thon của chị Vân và rồi cả cái thân hình trắng muốt còn đọng những giọt nước ấy bây giờ chọt lồng vào thân hình của Xuyên, dù là Xuyên đang ngồi bên anh còn đủ cái áo cánh đen, cái váy nhuộm nâu già. Anh buông nón, dơ tay quàng qua vai Xuyên kéo về phía mình. Nhưng Xuyên đã đẩy ra, đứng dậy nguyễn dài cười nụ:

- Rõ nỡm!

Quơ vội gánh củ lên vai, đôi chân líu ríu bước đi không che giấu nổi cái rung động và rạo rức thâm kín trong lòng nàng. Nhìn bóng Xuyên xa dần rồi khuất hẳn vào ngô tre đầu làng. Mới thở dài và cảm thấy rồi ra Xuyên cũng chỉ là chiếc bóng qua đi trong đời anh khi nghĩ tới thân phận, tới lời thiên hạ dạy nhau: “Có các vàng cũng chẳng ai đem con gả cho nhà mả”.

Song mỗi lần gặp nhau, dù chỉ nói với nhau bằng mắt, lòng Mới lại nuôi bao ước vọng, lại quên hết thân phận hèn mọn của mình. Nhất là khi mùa lễ hội tế Thành Hoàng sắp đến, Xuyên còn mạnh dạn nhoẽn miệng cười bảo Mới: “Nhớ đóng bộ hạ tướng cướp nhé”!

... Rồi thì trống kệ trống, chiêng kệ chiêng. Mặc cả những tiếng hò tiếng hét của bọn cướp theo truyền thống. Xuyên và Mới đã rúc vào cái hang trong đồng rơm kín mít. Hơi thở của hai đứa dồn dập. Âm ảnh bởi bầu vú, bởi da thịt cặp đùi lấm tấm nước của chị Vân. Mới lần mò lên người Xuyên và rồi sự rung động đầu đời của hai đứa và của riêng Xuyên. Nàng ưỡn mình rên lên tràn

ngập khoái lạc tựa bọt sóng biển va nhẹ đầu ghềnh. Từ buổi ấy, hai đứa như cặp hổ đói mỗi và cái hang sau đình chỉ có Thành Hoàng và rơm rạ biết. Sau ba tháng mê muội, lẫn lóc cùng nhau. Xuyên đã hơi hải lén lút gặp Mới báo cho anh biết là nàng đã tắt kinh. Tất nhiên theo lẽ thường tình thì Mới phải mừng vì một mỗ con đời thứ 9 sắp ra đời. Song vừa nghe Xuyên báo, mặt Mới lặng đi, tái mét. Anh thì thắm hỏi Xuyên:

- Em tính sao?

Xuyên ngồi úp tay vào mặt. Giọng nghẹn đi:

- Hay là trốn đi!? Nhưng cả hai đứa cùng đi một lúc thì chắc mẹ em tự tử mất vì... vì bà sợ mất cái danh giá hư ảo của gia đình cụ Tổ nhà bà.

Thế rồi mấy hôm sau không từ biệt Xuyên, Mới lặng lẽ bỏ làng đi cũng như bao thằng con trai trong làng cứ biến mất dần để lại một lũ tướng cướp con như cái róp của làng Đông Thượng đã có.

Và vợ chồng cụ Mỗ ngẩn ngơ thương nhớ đứa con nuôi mà hai cụ quý như con ruột. Cuộc sống vốn đã hiu quạnh trong tuổi già, nay lại càng hiu quạnh hơn. Nhất là từ nay cụ Mỗ lại phải lết đôi chân trên con xóm quanh co, rời rã tiếng mõ trên tay với lời rao “Chiềng làng...” mờ đục. Và cũng kể từ nay khi cụ chết đi dòng mỗ đời thứ tám của làng Đông Thượng cũng chấm dứt.

Lòng cụ Mỗ kể từ khi anh Mới trốn đi như bọn trai làng thì cụ đã hiểu rằng nó cũng đã làm điều chẳng phải như cái “guồng” gieo xuống làng Đông Thượng này sau thời gian lễ hội Thành Hoàng. Cụ cứ bản thân tự hỏi không biết đứa con gái nào trong làng lại đại đột như thế. Mà nào ai biết, ai để ý làm gì. Cái cảnh chửa hoang ở Đông Thượng đã xảy ra như chuyện bình thường. Bây giờ cụ chỉ mơ ước là có đêm nào đó nghe tiếng khóc oe oe ở trước nhà, cụ sẽ sô cửa bước ra và ẵm nó vào cho bà vợ chăm sóc nuôi nấng như nuôi anh Mới ngày xưa. Và nếu nó là thằng con trai thì

quý hóa biết bao! Xong đó chỉ có hy vọng trong tuyệt vọng. Bởi chiến cuộc đã bùng lên từ chốn kinh Bắc xuống Trấn sơn nam hạ và lan tỏa đi khắp nơi. Đó cũng là năm Bảo Đại nguyên niên lần thứ hai mươi chấm dứt. Chấm dứt như cụ Thủy Tổ dựng nên nghề mổ được có tám đời. Các nơi mờ mịt cảnh người chết đói, từng lớp người nông dân nghèo đói lòi thòi lếch thếch bồng bế nhau qua hết làng này tới làng nọ. Khoai sắn cũng chẳng còn. Bất cứ một thứ nào ăn được kể cả cây cối cũng xác xơ. Chỉ cần một lớp này đi qua, lớp khác tới thì những cây ấy chỉ còn trơ cành trụi lá. Dân làng Đông Thượng cũng ra đi như lớp dân nơi khác. Kinh kỳ, nơi xưa đô hội, giờ trên vỉa hè mỗi buổi sáng ra rải rác xác chết. Những đứa trẻ nằm trên ngực người mẹ đã cố nhay nhay vú mẹ đen sì teo tóp rồi cũng lịm dần và từng chiếc xe bò người kéo, dọn xác chết lên xe không kịp thở. Những nắm mồ tập thể, sau này cũng chẳng còn ai đi kiếm tìm ai như thời sau đi tìm mồ liệt sĩ. Bà cụ Mỗ cũng chết trong cơn đói khủng khiếp này sau chồng vài tháng.

Ngoài kia, con sông đào sát chân dê, nước tháng tám dâng cao vỗ ì ọp vào rặng tre đã úng vàng. Sân đình, xưa phía trước có hai cây gạo hoa đỏ rực tháng năm, từng đàn sáo sậu về gọi nhau ríu rít trong buổi trưa hè, nay lá mầm non xanh đã mất, chỉ còn trơ lại mớ thân cành rêu mốc. Cánh cửa vào hậu cung, chỗ thờ Thành Hoàng không then chốt, từng cơn gió luồn theo cửa lớn vào tạo ra âm thanh như tiếng hú gọi hồn. Hai mái rạ nhà cụ Mỗ mục rời lổ chỗ. Vách đất úng nước vỡ ra từng mảng. Một cảnh vườn không nhà trống đang lan tỏa từ nơi này sang nơi khác và Thành Hoàng từ đó cũng chẳng ai còn quan tâm lễ này hội nọ làm gì. Ngót hai trăm năm từ một sự tình cờ hợp với sự khao khát có Thành Hoàng bị chết đường chết chợ bỗng trở thành Thần. Ban ơn phát lộc cho cái làng Đông Thượng này sinh sôi nảy nở toàn là tướng cướp. Khi nạn đói đã đi qua, bởi quen nếp sống hung hăng, Đông Thượng lập làng tề đầu tiên. Đình trở thành đồn bốt và Tây Thượng, mặc

dù là cùng một ông thủy tổ mà ra vẫn thường bị đám đồng binh hò hét tràn qua bắt trâu bò gà vịt, thậm chí cả đàn bà con gái. Nhưng nửa năm sau, cái đình làng Đông Thượng ấy trong một đêm đã bị nhét đầy rơm rạ đốt lên, kèo cột rã rời sụp đổ chỉ còn mái tường cháy xém và lũ con cháu Thành Hoàng tướng cướp cũng chết nằm ngổn ngang. Làng xóm tiêu điều đúng như ngày cụ Mỗ còn sống đã thao thức băn khoăn vì những hiện tượng chim lợn kêu, tiếng trẻ con khóc âm u dưới lòng đất. Bây giờ điếm báo gở ấy đã hình thành. Đám sót lại trôi dạt về kinh kỳ nhập vào cái hỗn tạp của cuộc sống không cần có ngày mai. Trên đầu sông, bến bãi nhà hàng hay bảo kê đòi nợ, nhà sấm đầu đầu ai cũng thấy những cánh tay trần xâm đầu cọp nhe răng dữ dội hoặc ngực hoặc lưng là long hổ, tương tranh của bọn này. Rồi đêm ca nhi gõ phách nỉ non, hương phấn dậy mùi và trên những con phố tối bóng cây hay bên “hồ trả kiếm” con cháu tướng cướp Thành Hoàng làng Đông Thượng cũng có góp phần. Chúng cũng má hồng, kem tẩm trắng, môi tô son tím tựa bồ quân, nước bông thanh hương dậy sóng hồ, lượn quanh nhập nhằng trong quán Thủy tạ và đợi chờ dưới những tàn cây thao thức ánh đèn. Cũng trong cuộc thanh trừng thảm khốc ngày ấy mẹ Xuyên và đứa con của nàng với Mối đã chết trong cảnh đạn lạc. Xuyên chôn cất mẹ và con xong, cũng bỏ làng ra phố và sau này nàng đã lấy chồng người xứ Tây Dương làm phú lít. Công việc của ông này cũng nhàn nhã. Ngày ngày đạp chiếc xe đạp có gắn bảng số dưới yên kêu lắc lắc đi dọc các con đường đuổi bắt bọn con nít trèo me hái sấu; Xuyên cũng đã uốn tóc, cạo răng bỏ loại váy đụp nơi quê hương bằng những chiếc váy hoa. Cũng may làng Đông Thượng sau này dòng dõi cụ thủy tổ Trạng Phét vẫn còn có đứa đỗ Trạng. Bởi xưa nay anh nào chẳng thích nghe nói dối, bốc phét. Chỉ còn có Thành Hoàng côi cút, lại trở về ngôi miếu ở ngã ba đường tàn lạnh khói hương.



PHẦN III

UẨN MỘNG

Trời Tháng bảy mưa cứ dầm dề suốt từ sáng tới chiều, có lúc thời tiết thay đổi lại chuyển mùa sang tháng tám từng cơn mưa lớn đổ ập xuống. Cánh đồng làng Đông Thượng nổi lênh bênh như một ốc đảo. Giữa đình và làng con đường lúc ấy cũng lẫn vào từng cơn sóng cổ bò qua sang cánh đồng khác. Con đê với bờ tre xanh ngắt chạy dọc chân đê trong mùa hạ bây giờ lá úng nước rũ xuống màu vàng bệnh tật. Và lớp cỏ mà muọt chân đê giờ cũng trắng xóa gió vào thu. Mấy tuần nay, ngôi chùa nằm khuất trong làng, trên lối rẽ vào nhà cụ Bá đạo xưa vang lên tiếng mõ, tiếng cầu kinh. Người ta lại trở về cái tục lệ lên đồng, hầu Bà Chúa thượng ngàn Rồi sang đồng cô, đồng cậu... những buổi ấy, cả khu xóm chùa vang lên tiếng đàn tiếng trống bập bùng phỏ nhịp cho lời hát cung văn lên xuống. Đàn nguyệt nỉ non lại có đàn đáy đệm vào rời rạc như cơn nấc trong lối hát ả đào. Ở đó vui bao nhiêu, nhộn nhịp bấy nhiêu thì ngoài đình làng lạnh giá bấy nhiêu. Sở dĩ ngôi đình không làm lại vì các loại thần này đã được xếp vào loại tà thần, ác thần. Nền văn hóa mới không chấp nhận và nơi đây người ta đang chuẩn bị xây nhà máy lọc nước cung cấp cho cả hàng Tổng. Và trong miếu Thành Hoàng, lớp người mới của làng hầu hết là dân nhập cư từ nơi khác tới chẳng ai để ý gì. Trong miếu, ngôi mả vẫn nằm dài, nhưng bát nhang, bộ tam sự gỗ thì đã mất từ lâu. Từng mảnh mảnh nhện kéo ngang dọc sợi đã nâu đen, lủng lẳng vài con dấn khô mắc cong queo và trên các vách tường được bọn trẻ chần trâu vào vẽ đủ các hình đàn ông đàn bà bậy bạ. Chắc đây là bọn tướng cướp con mà bố mẹ chúng đã truyền lại cái gien bất hảo phát triển ngay từ lúc còn thơ. Con đường cái chạy qua cửa miếu trước kia lấn ra làm sân miếu cho rộng. Nay đã được nối lại sau khi đã chặt hết

hàng ruối đại um tùm che lấp cửa miếu. Đôi lúc buồn chán thần lại tính dở “phép màu” làm cho cái dân làng Đông Thượng này tuyệt tự như đạo Thần phất tay ra oai khiến vị mỗ đời thứ 8 bị cảnh cô hồn không người thừa tự khói hương. Nhưng thời thế đổi thay chú đầu phải là cái làng này nó bỏ rời Thần, nó phụ bạc. Mà chúng cũng đã bỏ đi Nam đi Bắc gần hết cả làng. Phiêu lưu tứ xứ. Nghe đâu bây giờ lại còn lưu lạc ở châu Âu, châu Mỹ nào đó. Gần hai trăm năm ăn xôi ăn thịt thế cũng đủ rồi! Thời thế mà! Thần lẩm bẩm nhắc lại. Sao lại oán trách họ nhỉ? Nhất là tấm lòng tốt của cụ Mỗ khi cái đình này bị lập đồn lập bót, bài vị của thần nó đem quăng ra bờ ruộng. Cụ Mỗ đã cẩn thận gỡ khung ra, rồi nhét vào một ống tre đem ra chôn ở đầu mã thần. Việc làm của cụ Mỗ càng làm thần ân hận về hành động xưa kia đối với vợ chồng cụ. Thần cũng không phải là kẻ vô ơn nên khi hồn cụ Mỗ vừa lia khỏi xác trong cơn đói nghèo bệnh tật. Thần đã xuống địa phủ kiếm tìm cũng như mong gặp hồn mấy ông địa chủ thật, địa chủ oan bị bắn đùng đùng trước sân đình thời cải cách ruộng đất. Bởi vì những con người này cũng đã có thời đóng góp và kính cẩn trước uy nghiêm dữ dội mặt tướng cướp của ngài trên tranh cụ Phó Vẽ tạo ra. Nhưng rồi chẳng gặp một hồn ai. Chắc họ đã đầu thai kiếp khác. Lòng thần mang mang nỗi hoài nhớ dĩ vãng; cầu mong cho họ đừng phải làm đủ kiếp: lừa, trâu, lợn, chó như hồn anh chàng Tây Môn nào trong truyện “sống đọa thác đầy” của nhà văn Mạc Ngôn Trung Quốc.

Và chiều nay lại mưa trắng đông - càng mưa càng buồn. Tháng bảy là tháng cô hồn đi húp cháo lá đa các chốn chùa chiền. Chỉ có riêng thần đã vô tình được làm thần - uy danh là một bộ tướng, của tướng quân Nguyễn Tuyển chọc trời khuấy nước suốt một giải giang hạ, có chết lần nữa thì cũng phải chết đứng như Từ Hải không thể nào lang thang như đám cô hồn kia đang xúm xít quanh chùa trong làng. Mà làm gì có cảnh nghe kinh nghe mỗ rồi siêu thoát. Trần gian hay âm phủ, cuộc sống na ná như nhau hết.

Cũng ghìem nhau cho đến chết tả toi, áp dụng luật trên cõi thế là “chó chết hết chuyện” cũng cứ bảo nhau; “để lâu cứt trâu hóa bùn” - là xong! Hai thế giới sống chết ấy chỉ có khác là giữa người còn sống và người đã chết không nói chuyện được với nhau như ngôn ngữ nước này nói chuyện với người nước khác chẳng hiểu. Bởi thế anh sống muốn nói chuyện với anh chết phải qua ông thầy bà cốt đánh đồng... Cũng như nằm mộng mới được gặp nhau - mà mộng thì chỉ có lúc ngủ như một cái chết lâm sàng. Lúc ấy tha hồ mà kể lể, mà mừng vui, khóc lóc với nhau.



Mưa càng ngày càng nặng hạt.

Gió cồn cào lướt nghiêng những cành ruối đại vào cửa miếu trống hoác.

Út cố bước thật nhanh rồi khom người chui vào phía trong, nép thật lẹ vào tường. Vừa lạnh, vừa mệt; hơi thở anh như gấp lại lúc đã đứng im. Từ con đê chắn ngang bờ sông trước cửa Đình Đông Thượng, tưởng có thể đi thẳng xuống Đình rồi vào làng. Ai ngờ con đường đi tắt mà bố anh chỉ, bây giờ đã xanh màu nước nổi. Anh lại phải quay ngược kim đồng hồ đi qua con đường chạy giữa bãi tha ma là con đường đất đắp cao mấp mé bờ ruộng để vào làng. Giữa lúc ấy, lúc anh còn trong lòng vô số những mớ cao thấp nhấp nhô thì mưa ập đến. Anh sốc ba lô, lao người chạy khi thấy phía trước một cái miếu lơ mờ trong bóng mưa. Tưởng như gần, ai ngờ chạy muốn đứt hơi. Út quăng chiếc ba lô, lấy tay phủi phủi bụi dưới nền, anh ngồi bệt xuống. Mở bao thuốc Sài Gòn đầu lọc, Út đốt thuốc, kéo liên tiếp vài hơi cho bớt lạnh. Qua ánh chớp và màn mưa trắng mờ mờ hắt vào, anh chột rùng mình thấy mình đang ngồi cạnh một ngôi mả nằm lù lù ở giữa. Thì ra đây là một cái miếu hay là một ngôi mộ như anh đã từng thấy ở quê mẹ, người ta thường xây một cái nhà con con cho người đã chết. Anh

sởn mình trước bóng tối âm u và tự trấn áp ngay bằng những lời lẽ của bố anh về vấn đề chống mê tín dị đoan đạo ông cụ còn công tác trong phong trào xây dựng nếp sống mới ở thôn ấp.

Trên cánh đồng, sấm vẫn nói nhau vang từng chập và ánh chớp cứ dẫn cái âm thanh ấy đuổi nhau nát cả bầu trời. Út chắc lưỡi: “Đành phải ngủ qua đêm. Mai tính”. Rồi anh kê đầu lên ba lô, chân gác lên thành mả. Mơ màng nghĩ tới những điều bố dặn: nào là kiếm mộ ông bà nội, mua vàng mã trái cây, nhang thơm cúng kiếng; nào là “phải cố kiếm ra nhà bà Xuyên...”. Anh nghĩ tới đôi mắt bố trước khi dặn anh, ông cụ đã liếc vọi vào trong, chắc xem mẹ anh có ở đó không.

- Lại một mối u tình!

Út nghĩ tới đó, mỉm cười và tự nhủ:

- Sáng mai thì cái bí mật của bố, con sẽ khám phá ra thôi!

Và Út thiếp đi như một đứa trẻ thơ.



Anh là con ông Mới?

Út giật mình nhìn lên. Anh thấy một bộ mặt sạm đen với vài vết chém trên má đã thành sẹo. Gương mặt tuy dữ dằn nhưng đôi mắt và nụ cười lại hiền dịu. Do đó anh định ngồi dậy để trả lời, nhưng xác thân nặng trĩu không tài nào kéo lên được. Út đành cứ thế trả lời:

- Dạ đúng cháu là con ông Mới. Bố cháu bảo về... - Dạ, vậy thưa ông, ông cũng là người làng này với bố cháu?

- Ta là Thành Hoàng. Cụ Thủy tổ tám đời nhà anh là người ta gặp đầu tiên và đã hầu hạ khói hương cho ta hết đời này qua đời khác, ngót nghét cũng đã hai trăm năm. Trước kia trong Đình là nơi ta ngự trị nhưng mấy chục năm nay ta đành về chốn mồ hoang này trú ngụ.

- Vậy đây là nhà của cụ? Cụ sống ở đây lâu thế chắc biết nhà cụ Mõ cháu?

- À, nhà ông bà nội anh trước kia ở mé đình bên kia; nhưng nay người ta đã phá đi làm chỗ để xe bò chở đám ma rồi.

- Dạ thế thưa cụ: Ông bà nội cháu còn có ai là họ hàng thân thích trong làng?

- Các cụ tổ nhà anh đến đời bố anh đều là dân ngụ cư. Cứ loanh quanh sống ở cái sân đình làng này. Rồi người nào nổi việc mõ cứ nói. Còn thì phiêu bạt đi hết rồi. Đến đời bố anh cũng lại phiêu bạt nốt.

- Dạ sao bố cháu bảo trong làng còn có quen bà Xuyên nào nữa ạ?

- Bà Xuyên? A! Bố anh cũng tình nghĩa nhỉ? Nhưng người ta lấy chồng xứ Tây dương và nghe đâu đã theo chồng về nước rồi.

Út nghe xong vừa nhớ “đôi mắt nhìn ngang nhìn dọc của bố mình” dạo ấy - vừa thấy thích thú là mình đã đoán trúng bóc cái u tình của bố. Nhưng mà nay, thì “người mộng” của bố đã dứt tình... sang bên khác. Tự dưng anh thấy thương bố và nghĩ rằng lúc về sẽ lựa chiều mà nói để bố bớt buồn lòng. Bỗng Thần nhìn anh:

- Mà ngoài việc thăm “cố hương hờ cố hương hã” này anh còn có việc gì nữa không?

- Dạ cháu muốn xin chút lý lịch ba đời của nhà cháu để...

- À tôi biết, song lớp trẻ ở đây bây giờ nắm công việc hành chánh. Họ đều là dân mới nhập cư. Sổ hộ tịch của làng thì đã tan nát “tám đời” rồi. Ai biết anh là ai mà lý với lịch.

Út hơi thất vọng:

- Mà giả dụ, ta giả dụ thôi là người ta xác nhận lý lịch cho anh nhưng anh đã có bằng cấp gì chưa? Bởi thời đại của anh bây giờ người ta lại sinh bằng cấp. Bằng càng cao thì ngồi càng cao...

Út rụt rè:

- Dạ cháu mới tốt nghiệp bổ túc cấp 3 năm ngoái.

Thần nghe Út nói, bèn cười ha hả rồi buông câu chán nản như thương hại:

- Thế thì chẳng ăn thua gì? Phải chịu khó mua lấy cái bằng tiến sĩ hay bét ra là cái bằng thạc sĩ. Mất vì cái lý lịch lờ mờ thì phải dùng cái bằng mà kéo lại: Chẳng được trường thì có bằng cao cũng vẫn có thể làm phó.

- Nhưng gia đình bố cháu có ba sào đất...

- Ấy thế là hỏng... Nếu ngày xưa, anh sanh sớm một chút thì có thể sang nước ngoài... dù học chẳng đâu vào đâu nhưng cứ hết hạn là người ta hào sảng cấp cho anh cái bằng - cái bằng Tiến sĩ hữu nghị - như ông Vũ Bảo từng kể ấy mà - cái bằng ấy ở nước người ta có mà vác đi xin việc mỗi chân cũng chẳng có ai nhận. Song ở nước mình thì cứ ngon ơ! Ha ha! Mà bây giờ bằng nước mình cứ là bằng bia, bằng đất, bằng tiền thậm chí cả bằng tình nữa như cái ông cách Tổng ta cũng chẳng xa ông ấy đòi đổi tình lấy điểm ấy mà!...

Út cứ ngây ra nghe - Mặc dù báo chí hàng ngày đã đăng những cái tin “thoái hóa, mất phẩm chất này” ở một số thầy giáo. Anh cho rằng đúng là con sâu làm rầu nồi canh.

Út chưa kịp nêu ý nghĩ phản bác của mình thì thần đã lại cao giọng:

- Mà này, cái tội bằng bán bằng mua này chung quy cũng do các ông thầy giáo “thích làm thương mại cả” chú phần đông thì giai cấp này vẫn giữ được cái phẩm chất cao quý dù có nghèo mạt rệp. Đấy làm sao ta không biết mà anh cũng biết: cái thời bao cấp mất trắng dã vì đói, họ cũng vẫn bám trường bám lớp suốt bốn tiếng đồng hồ. Rồi hết giờ cô ra mép chợ ngồi bán con ốc mớ rau, thầy chở thùng cà rem, kẹo kéo rao mỗi mép trên hè phố. Họ

nghèo và làm việc chân chính bằng sức lao động của mình. Theo ta thì nếu cái ông bí thư tên Lại nào đó thời bốn sáu bốn bảy nếu có còn sống chắc không dám chửi thầy cô giáo...

- Dạ, bí thư... chửi...

- Ủ, thì anh này chỉ là kẻ cơ hội, bản chất tất vô học vì chỉ là một anh đồ tể mổ heo cho cái lò mổ của người Hoa Kiều. Anh ta chỉ mặt... bảo rằng... và chắc cũng lại là các bộ mặt thầy giáo bán bằng rằng... thì là: “Này tôi nói cho các anh biết. Tầng lớp trí thức, tiểu tư sản các anh chẳng qua chỉ là cái sinh thực khí tức là cái của thằng đàn ông, nghĩa là khi xung trận được kích thích thì nó sượng cương cứng lên. Rồi sau đó thì ỉu sùi như thằng chết trôi...”.

Út nghe thần đọc một hơi câu nói quá dung tục, hết hồn:

- Dạ chắc không có chuyện đó.

- Thì anh đi kiểm ông Ma Văn Kháng mà hỏi. Ông ấy đã kể về ông này trong cuốn “Đám cưới không có giấy giá thú” ấy. Không có mà dám viết à. Có mà đi tù vì tội bôi đồ bôi đen! Ấy còn chuyện ông Võ Phá đã là thầy mà vẫn phải đi học làm thầy nữa lạ chưa? Tôi kể cho anh nghe nhé... ngày xưa

Út có thì giờ đâu mà đọc sách, ngay cả tờ báo cấp huyện anh cũng chỉ cầm lên nhìn sơ sơ các hàng chữ lớn rồi vội vã đến xưởng. Tối về lại mỳ mò những con số thống kê chi chít rồi lăn quay ra ngủ. Một ngày như mọi ngày. Thức giấc dậy đã ám ảnh âm thanh tiếng cửa máy, tiếng công nhân gọi nhau chuyển tay công việc. Rồi vội vã ăn chén cơm, lao đầu ra lấy chiếc xe đạp, rướn mình đến xưởng. Ngày cứ thế! Và đời anh cứ thế trôi qua! Còn cái ông Võ Phá viết trong “Tôi học làm thầy” nghe Thần kể thấy thật thà mà phũ phàng quá. Cũng may anh không đậu đạt gì cao mà thi vào cái ngành làm thầy giáo ờ... ờ... mà dễ gì - bao nhiêu người đã đậu. Vẫn phải cầm đơn cầm mảnh bằng chen nhau như giành mua vé xe ngày Tết mà cuối cùng đơn vẫn ở trên

tay chỉ khác trước là nó đã nhàu như tờ giấy lộn. Người ta đọc báo và kể cho anh nghe như một thảm cảnh. Rằng có cô ở ngoại thành cơm dùm cơm nắm dậy từ bốn giờ sáng lên tới nơi thì đã thấy một “rừng người” chen vai thích cánh - thầy cô giáo tương lai - cũng văng nhau khi thấy cô ép ngực, ép lưng nhau mà tiến lên... tiến lên chỗ vô vọng. Bởi có cô bị chèn văng ra ngồi bên lề ôm mặt khóc. Đơn vẫn hoàn đơn, chỉ tội chút hồng nhan đã nhuộm đủ hơi người trong cái nóng dữ dội của mùa hè.

Út ngược mắt lên nhìn thần bày tỏ sự khâm phục. Vì Thần ở tít tận đây, ở cái cõi âm phủ mang mang mờ mịt mà sao biết tường tận hơn cả con người trần thế. Út lại chạnh nhớ tới hồi còn nhỏ được bà ngoại dẫn đi coi lễ ở các chỗ đền thờ miếu mạo. Ngồi bên bà, Út đã thuộc lòng câu cầu khẩn của bà: “Lạy thánh mớ bái, chúng con người trần mắt thịt, xin ngài...”. Đúng mình là người trần mắt thịt chẳng hiểu cái quái gì ngoài cái máy cưa! Mỉm cười anh xin thần cho biết:

- Dạ, cháu xin Thành Hoàng cho biết mộ của ông bà cháu được chôn ở đâu? Và ngày mai cháu vào gặp các viên chức của làng liệu có hy vọng gì...

- Bây giờ trời cũng sắp sáng, ta với anh chẳng còn bao thời gian mà nói chuyện với nhau. Âm dương cách biệt. Ta sẽ cho anh biết về mộ phần - cái đó chẳng còn đâu. Bởi các cụ anh là dân ngụ cư nên lúc chết người ta bắt chôn ở cái gò đất hoang nằm ở ngoài làng, song vài năm gần đây, chỗ đất ấy đã được giải tỏa để làm nhà máy xay sát. Các mộ phần vô thừa nhận đều đã được hỏa táng hết rồi. Anh biết mà, đất để ở, để ăn giờ quý như vàng, các cụ nói “tấc đất tấc vàng” chẳng sai. Ai mà chôn lại những nắm xương tàn ấy nữa. Còn lý lịch lý lẽ gì đó thì anh cứ vào xin. Tùy cái hồng phúc nhà anh thôi.

Còn việc của ta, ta xin nhờ anh - nếu anh giúp cho thì may ra đời ta lại có nắm xôi miếng thịt mà ăn...

- Dạ xin thần cứ dạy, nếu làm được cháu xin giúp ạ.

- Ta cảm ơn tấm lòng của anh. Đạo ấy ông nội của anh có chôn cái bài vị của ta phía đầu mả, bởi ông cụ sợ mả của ta là cái mả vô danh. Ta nhờ anh sửa hộ ta cái họ tên bài vị:

- Sửa tên họ... dạ cái đó thì cháu không dám vì mắc vào tội giả mạo như bọn bán bưng.

- Không, không sao anh chỉ sửa hộ ta cái họ Tướng thành họ Tưởng thôi. Hồi ấy ta chết có ai biết họ tên nên lão Trạng Phét đã phong cho ta một cái tên là Tướng Văn Cướp. Nay anh sửa dấu sắc thành dấu hỏi - ta sẽ thành Tưởng Văn Cướp - nghĩa là cùng họ với thằng cha Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan và anh sẽ đem bài vị của ta vất xuống một dòng sông lớn - theo nước ra khơi - hồn ta ra biển và có thể dạt vào một nơi nào đó của cái đảo này. Bọn dân ở đó sẽ vớt ta lên và thấy trên bài vị mang họ Tưởng... thế là ta lại ấm tấm thân. Nơi đất khách quê người ta sẽ không cô đơn lạc lõng đâu cháu. Vì người nước ta lúc này đi lao động và nhất là lấy chồng Đài Loan đông lắm...

Nói tới đây, Thành Hoàng dơ tay đẩy Út chúi xuống khỏi chỗ nằm. Anh choàng tỉnh dậy. Bên ngoài trời đã lờ mờ sáng. Mưa đã tạnh. Chẳng lẽ lại là một giấc mơ. Lòng phân vân khôn tả vì lời người trong mộng. Rút một liều thuốc cho ấm lòng và cũng là để lấy lại bình tĩnh, anh nhất định chờ cho trời sáng tỏ, sẽ ra chỗ đầu mả bới xem. Ra ngoài cửa miếu, nhờ trời mưa đất mục, anh nhỏ dễ dàng một khúc tre cứng làm hàng rào và đi vào hì hục đào bới. Mới đào có hơn gang tay anh đã moi lên được một ống nứa đen bóng. Anh cẩn thận ra chỗ sáng từ từ nạy nắp ống ra. Quả nhiên trong đó có một giải lụa vàng nhạt. Trên mặt lụa đúng là có ghi Tướng Văn Cướp - mất ngày, tháng, năm được phong là Thành Hoàng làng Đông Thượng. Một cảm giác rờn rợn lạnh toát châu thân. Đây không là mộng mà là một hạnh ngộ của anh với người cõi âm rồi. Út đứng dậy, hai tay cầm ống bài vị cúi lạy ngôi mộ

bốn vái xong anh cho nó vào trong túi hành lý và bước vội trên con đường sũng nước vào làng.



Đông Thượng bây giờ đất hẹp người đông. Mấy sào ruộng được chia hồi cải cách không đủ cho các gia đình có nhân số ngày càng đông. Bởi kế hoạch sinh đẻ của vùng này đã vỡ. Do đó dân làng này lớn lên lại đi giang hồ tứ xứ. Trong xóm sương đã tan, gà đã thôi tiếng gáy mà con người vẫn dấu mình. Út cảm thấy cảnh thôn làng này vừa có sự tĩnh lặng êm đềm vừa gờn gợn trong anh cái hoang vu ẩn dấu đằng sau. Bước vào nơi làm việc của chính quyền với ba bốn cái bàn mộc bày hàng ngay ngắn. Trên đó cũng trang điểm bằng tên, chúc vụn phía trước. Nhưng mặt trời đã lên tới ngọn tre chưa thấy một viên chúc nào. Út bôn chồn ngồi trên băng gỗ kê ở lối ra vào dựa sát vào vách. Mảnh sân trước đầy cỏ chết. Hai chiếc cột tre chia sân làm hai mảnh còn lủng lẳng vài sợi lưới rách bướm. Một bóng người khoác áo ka ki đại cán, đội nón cối đang đạp xe đạp từ cổng vào, Út thấy một niềm hy vọng đang dâng lên giải tỏa những đợi chờ. Người mới vào dựng xe. Út nhìn thấy lủng lẳng bên hông chiếc sa cốt. Hai người nhìn nhau với hai ánh mắt khác nhau. Ở Út là một sự đợi chờ và ở người kia là cái nhìn xa vắng, lạnh lùng:

- Chào bác. Út lên tiếng trước.

- Chào anh. Anh cần việc gì?

Sau một điệu thuốc lào. Thở khói lên mây và lời nói cũng lại lạnh lùng xa vắng như tia nhìn:

- Không có tên nào là tên Trần Văn Mới ở cái làng này. Nếu tìm được người biết gốc gác ông bố anh. Ra đây làm chúng tôi sẽ ký ngay cho anh.

Và rồi lại một điệu thuốc lào. Thở khói lên mây nhưng không còn có lời đối thoại nào.

Út đi vào trong xóm. Hỏi thăm nhà bà Xuyên.

- Bà Xuyên nào?

- Dạ bà Xuyên dòng họ cụ Lý Huy.

- À, lấy Tây rồi.

- Dạ thế cụ làm ơn cho con hỏi làng ta xưa có ông nào tên Mới không ạ?

- Chẳng biết ai tên mới với cũ nào cả. Chú chịu khó đi vào trong xóm có mấy ông cụ mà hỏi thử xem.

Lang thang hơn nửa tiếng từ xóm Bắc đến xóm Nam, anh may mắn được người ta chỉ cho vào nhà cụ Thọt. Một ông già bóm làng bóm đất từ trước đến giờ mặc bao sóng gió tang thương đã xảy ra cho làng Đông Thượng. Cụ Thọt thật ra không phải tên cụ mà là do từ tấm bé cụ đã bị thọt một chân bên trái. Trải qua thời gian từ tên cụ Thọt lên đến anh, đến ông và bây giờ đã thất thập cổ lai hy được gọi một cách kính trọng là cụ. Cụ với cụ chỉ hơn nhau một cái dấu. Lúc nhỏ bị bọn trẻ kêu là Thọt thì cũng tức, cũng đã chửi bới đánh lộn với bọn nó. Song riết rồi cũng quen với cái tên mới này. Khi lớn lên, chống nạng đi xem hội lễ Thành Hoàng, nhìn bọn thanh niên cùng trang lứa đóng vai cướp, Thọt thèm khát biết bao nhiêu. Thọt chỉ biết đứng ở góc đình nhìn bọn trai gái “cướp nhau” chạy ào ào ra bờ đê, ra gò mả mà nóng cả mặt, mà thương thân mình. Thế rồi Thọt yêu Xuyên ngấm ngấm. Hàng ngày cứ chống nạng lại nhà Xuyên đứng ở bờ tre nhìn vào, lòng Thọt nôn nao chỉ mong được thấy bóng dáng của nàng. Nhưng rồi Thọt đã khám phá thấy đối thủ của mình là anh Mới con cụ Mỡ. Thọt bèn đến nhà mẹ Xuyên khi Xuyên đi cắt cỏ. Bà ta đã bảo anh: “Này anh Thọt ạ, tôi không có dư con gái mà gả cho hạng ấy. Cái thứ nghèo mặt rệp, giai cấp hạ lưu mà... mà. Cha bố nó, làm gì có chuyện dũa mốc đòi mâm son, anh đừng có đặt điều làm giảm gia phong

nhà tôi”. Thọt hiểu rằng bà ta nói cái nghèo mặt rệp là ám chỉ anh. Từ đáy lòng căm thù đối với Mối càng sâu. Bao nhiêu năm qua đi đã tưởng rằng quên. Nay nghe nhắc đến tên Mối, mắt lão - đôi mắt đã kéo mây - ngược lên như nhìn thấy kẻ thù trước mặt, thấy rõ cái bụng Xuyên ngày càng to và cái thằng Mối ấy là thủ phạm. Lão Thọt thấy sống lại cả một thời thua thiệt của mình. Bỗng nhiên lão gắm gù trong lời nói:

- Mối ấy à? Nó là tên ăn cướp, cả cái đám thanh niên làng này đều là ăn cướp - Bọn nó cướp gái rồi... bỏ trốn đi hết...

- Dạ cụ nói sao ạ? Ông Mối là tướng cướp?

- Làm gì được làm tướng với tá... chỉ là bọn lâu la bộ hạ thôi... Chuyên bắt hồng trong đồng rơm ấy!

Út choáng váng. Anh chào trong hơi thở đứt. Và vội rời làng. Qua nơi làm việc của thôn, anh chỉ dám liếc nhìn và đi như chạy. “Bố mình ngày xưa là tướng cướp à? Trời ơi! Thế thì còn lý với lịch gì nữa!”



Bao nhiêu vàng mã đem theo, Út khom lưng quỳ gối trước mộ Thành Hoàng bật lửa lên đốt. Nước mắt anh tự dung trào ra: “Chẳng lẽ lời người sống không tin lại đi tin lời ma quỷ”. Nhưng bài vị Thành Hoàng còn trong cái ống nứa này. Trời ơi! Hay thế giới bây giờ người và ma quỷ sống lẫn lộn cùng nhau. Và trong tâm thức mù mờ ấy, khi tàu qua sông - một dòng sông đục nước phù sa, mênh mông sương khói đầu thu - Út lẳng lặng quăng bài vị Thành Hoàng làng Đông Thượng. Ống nứa màu đen sẫm nổi bồng bênh trôi theo dòng nước cuộn cuộn chảy về đông.

Sài Gòn 5/7 - 10/8/2008

(mùa lễ vu lan)

(Trích)